TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 535/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 8 - 2017
Về việc không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Khoa.

2. Ông Hoàng Đức Cảnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2017/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 186 đường HL, thị trấn NĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 186 đường HL, thị trấn NĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau như vợ chồng khoảng từ năm 1990 đến năm 1992 thời gian cụ thể ông không nhớ chính xác, vợ chồng ông chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng từ đó đến nay không đăng

ký kết hôn. Quá trình vợ chồng ông chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong chi tiêu sinh hoạt gia đình, công việc làm ăn kinh doanh bị thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng ông đã sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Thái D, sinh năm 1994 và Nguyễn Vũ Ngọc T, sinh năm 1998. Hiện nay hai con chung là Nguyễn Thị Thái D và Nguyễn Vũ Ngọc T đều đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng có tài sản chung, nhưng để vợ chồng ông tự thỏa thuận phân chia. Nếu không tự thỏa thuận phân chia được, sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị B là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày mở phiên tòa vẫn không có mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B; tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Giấy khai sinh của con, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn NĐ, biên bản xác minh tại Công an thị trấn NĐ, biên bản xác minh tại nhà bà Nguyễn Thị B, biên bản xác minh tại tổ dân phố HL, thị trấn NĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T: Căn cứ vào lời khai của đương sự; tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau từ khoảng năm 1990 mà không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn nên vợ chồng ông T và bà B đã sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông Nguyễn Văn T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn bà Nguyễn Thị B. Hội đồng xét xử xét việc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ chung sống như vợ chồng giữa ông T và bà B không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay ông T đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn bà Nguyễn Thị B, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B có hai con chung tên Nguyễn Thị Thái D, sinh năm 1994 và Nguyễn Vũ Ngọc T, sinh năm 1998. Hiện nay hai con chung là Nguyễn Thị Thái D và Nguyễn Vũ Ngọc T đều đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thỏa thuận phân chia. Nếu hai bên không tự thỏa thuận phân chia được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Tuyên bố:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000976 ngày 19 tháng 05 năm 2017 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND TT NĐ, huyện T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự